TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH THÀNH** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 14-9-2017
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Văn Hùng
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Lưu Đình Tâm
Bà Nguyễn Thị Hà
- *Thư ký phiên toà*: Ông Lê Văn Thịnh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

Ngày 14 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 104/2017/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2017 về: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 17/2017/QĐST – HNGĐ ngày 29/8/2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Ngọc D - sinh năm: 1993.
HKTT: Thôn Tượng Liên 3, xã Thạch Tượng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá. Có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Bùi Văn T - sinh năm: 1990.
HKTT: Thôn Tượng Liên 3, xã Thạch Tượng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/6/2017 và tại bản tự khai ngày 19/6/2017 chị Nguyễn Ngọc D trình bày: Chị và anh Bùi Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 24/9/2014 tại Uỷ ban nhân dân xã Thạch Tượng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá. Sau ngày cưới, cuộc sống vợ chồng hoà thuận được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T không chịu khó làm ăn, suốt ngày tụ tập bạn bè để chơi bời, không quan tâm gì đến vợ con và gia đình. Chị đã cố gắng chịu đựng nhưng anh T vẫn không thay đổi. Đến tháng 02/2017 chị đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Từ đó vợ chồng sống ly thân nhau không ai quan tâm tới ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con cái: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Bùi Thị Khánh H, sinh ngày 01/9/2014. Hiện cháu đang ở với chị. Nếu ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Chị D không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 22/6/2017, anh Bùi Văn T trình bày: Anh và chị Nguyễn Ngọc D kết hôn tự nguyện, đăng ký ngày 24/9/2014 tại Uỷ ban nhân dân xã Thạch Tượng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá. Sau ngày cưới được 03 – 04 tháng thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là chị D có người yêu cũ ở huyện Cẩm Thuỷ có liên lạc, nhắn tin hẹn nhau, anh đã đập điện thoại và bẻ sim điện thoại, chị D lúc đó đã có thai và bắt đầu đòi phá thai và ly hôn anh. Sau đó vợ chồng hoà thuận được một thời gian, sinh con và nuôi con được 17-18 tháng rồi chị D đi làm ở Bắc Ninh. Khi anh đang ốm, chị D có về thăm, sau đó bảo đi ra ngoài, khi đi về anh hỏi thì chị D bảo đi ăn với người yêu cũ, lúc đó anh đang ốm nên không nói gì. Khi anh chuyển xuống bệnh viện ở Thanh Hoá thì chị D lại yêu cầu ly hôn, nhưng lúc đó nhà không có ai chăm nên anh không đồng ý. Sau đó mẹ anh xuống chăm thì mọi chuyện cũng qua. Ngày 16/11/2016, anh đi làm ở Bắc Ninh về thì thấy chị D gọi điện với người yêu cũ ở huyện Cẩm Thuỷ và hai vợ chồng có chửi bới nhau, chị D đòi ly hôn. Anh không đồng ý ly hôn.

Về con cái: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Bùi Thị Khánh H, sinh ngày 01/9/2014. Nếu ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Anh T không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự nhưng anh T không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh T. Chị D đã có đơn đề nghị không tiến hành hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 4 điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây gọi tắt là BLTTDS). Toà án cũng đã triệu tập hợp lệ anh T lần thứ hai đến Tòa án để tham gia phiên toà nhưng anh T vẫn không có mặt mà không có lý do nên căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 BLTTDS Toà án xét xử vắng mặt anh T.

Theo ý kiến trình bày trong bản tự khai của hai bên đương sự và tại phiên toà: Chị D và anh T thống nhất không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản, không thống nhất được về hôn nhân và người trực tiếp nuôi con. Chị D xét thấy không còn tình cảm với anh T, không chịu đựng được cuộc sống hôn nhân hiện tại nên yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Anh T nghi ngờ chị D có qua lại với người yêu cũ, nhưng anh không đồng ý ly hôn với chị D. Về vấn đề người trực tiếp nuôi con, cả hai bên đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu bên kia phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị D cho rằng: do con chị đang còn nhỏ, giới tính lại là nữ, chị có công việc làm ổn định với mức lương đảm bảo nên đủ điều kiện chăm sóc con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Ngọc D và anh Bùi Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Thạch Tượng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa ngày 24/9/2014 và không vi phạm các điều 9, 10 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 điều 28 BLTTDS. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T nghi ngờ chị D có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác. Ngoài ra anh T không chịu khó tu trí làm ăn, chăm lo cho cuộc sống của gia đình. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02/2017 đến nay, không ai quan tâm tới ai. Tuy anh T không đồng ý ly hôn nhưng trong tất cả những lần Tòa án thông báo cho anh đến để Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ vợ chồng nhưng anh đều không có mặt. Chứng tỏ anh T không thiết tha hàn gắn tình cảm vợ chồng, xây dựng hạnh phúc gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị D được ly hôn anh T để giải phóng cho người phụ nữ là cần thiết và phù hợp pháp luật.

[2] Về con cái: Chị D và anh T có 01 con chung là cháu Bùi Thị Khánh H, sinh ngày 01/9/2014. Hiện nay cháu H đang ở với chị D. Cả hai bên đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con. Xét yêu cầu của hai bên đương sự là hoàn toàn chính đáng thể hiện trách nhiệm của những người làm cha, làm mẹ đối với con. Nhưng xét hoàn cảnh thực tế cháu H đang ở với mẹ. Cháu mới được hơn 3 tuổi, đang còn nhỏ, giới tính lại là nữ rất cần bàn tay chăm sóc của người mẹ, bên cạnh mẹ. Chị D hiện tại có công việc và thu nhập ổn định đủ điều kiện để nuôi con, chị thiết tha xin được trực tiếp nuôi con. Để không xáo trộn cuộc sống và để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển bình thường của con trẻ. Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Khánh H cho chị D được trực tiếp nuôi con nhằm ưu tiên và đảm bảo quyền lợi cho người phụ nữ là cần thiết và phù hợp với điều kiện hoàn cảnh thực tế, giới tính và các quy định của pháp luật. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung, do chị D xét thấy đủ điều kiện tài chính để nuôi con và chị không yêu cầu nên miễn xét.

[3] Về tài sản: Chị D, anh T không yêu cầu nên miễn xét.

[4] Về án phí: Chị D phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 điều 28, khoản 4 điều 207, điểm b khoản 2 điều 227, khoản 4 điều 147 BLTTDS; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Toà án.

Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Ngọc D được ly hôn anh Bùi Văn T.

Về con cái: Giao cháu Bùi Thị Khánh H, sinh ngày 01/9/2014 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi thành niên. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Nguyễn Ngọc D phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, theo biên lai số AA/2013/04172 ngày 15/6/2017. Chị D đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị D, vắng mặt anh T. Chị D có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh T có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thạch Thành;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Hùng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân		Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
Lưu Đình Tâm	**Nguyễn Thị Hà**	**Phạm Văn Hùng**